CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Số 189 đường Đình Vũ - Đông Hải 2 - Hải An - HP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I/ 2011

HẢI PHÒNG 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Địa chỉ: Số 189 Đường Đình Vũ, Quận Hải An, TP Hải Phòng
Điện thoại: 031. 361 4018 Fax: 031. 361 4016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**71,379,065,213**	**44,449,121,143**
. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**10,803,978,889**	**2,123,930,610**
1. Tiền	111	V.01	10,803,978,889	2,123,930,610
I. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
II. Các khoản phải thu	**130**		**32,068,378,566**	**31,331,721,533**
1. Phải thu khách hàng	131		16,831,480,889	21,610,292,425
2. Trả trước cho người bán	132		5,630,888,647	3,726,512,068
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		273,899,567	
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	138	V.02	9,725,742,449	6,388,550,026
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(393,632,986)	(393,632,986)
VI. Hàng tồn kho	**140**		**10,202,913,265**	**6,394,154,486**
1. Hàng tồn kho	141	V.03	10,202,913,265	6,394,154,486
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**18,303,794,493**	**4,599,314,514**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		391,572,600	465,609,024
2. Thuế GTGT còn được khấu trừ	152	V.04	915,679,030	225,237,992
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.04	147,341,584	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16,849,201,279	3,908,467,498
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**178,904,030,473**	**137,656,613,026**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**135,847,822,470**	**98,773,410,649**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	103,420,526,701	75,913,803,510
- Nguyên giá	222		*136,182,640,757*	*101,227,234,663*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		*(32,762,114,056)*	*(25,313,431,153)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	3,009,180,878	3,176,357,618
- Nguyên giá	225		*5,349,655,238*	*5,349,655,238*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		*(2,340,474,360)*	*(2,173,297,620)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	9,780,085,628	2,775,185,896
- Nguyên giá	228		*12,191,164,708*	*4,025,602,015*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		*(2,411,079,080)*	*(1,250,416,119)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	19,638,029,263	16,908,063,625
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**1,566,000,000**	**3,500,000,000**
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	3,500,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1,566,000,000	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2,293,867,838**	**2,072,422,207**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1,963,858,629	2,072,422,207
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		330,009,209	-

VI. Lợi thế thương mại	**269**	V.10	**39,196,340,165**	**33,310,780,170**
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**250,283,095,686**	**182,105,734,169**

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**88,734,249,004**	**63,090,392,549**
. Nợ ngắn hạn	**310**		**69,488,333,437**	**49,782,113,205**
. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	43,761,582,085	29,200,771,337
2. Phải trả người bán	312		10,320,031,589	11,240,014,251
3. Người mua trả tiền trước	313		1,430,453,360	138,068,598
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	2,823,042,715	2,873,382,337
5. Phải trả người lao động	315		2,064,740,104	2,099,544,651
6. Chi phí phải trả	316	V.13	161,248,838	105,290,224
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	8,746,160,445	3,438,877,512
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		181,074,301	686,164,295
II. Nợ dài hạn	**330**		**19,245,915,567**	**13,308,279,344**
1. Phải trả dài hạn khác	333		479,000,000	479,000,000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	18,766,915,567	12,829,279,344
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**155,200,771,316**	**118,493,413,466**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**155,200,771,316**	**118,493,413,466**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128,700,000,000	100,795,330,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9,615,359,500	2,727,192,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ dự phòng tài chính	417		1,627,114,619	1,627,114,619
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15,258,297,197	13,343,776,847
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**			-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**		**6,348,075,366**	**521,928,154**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**250,283,095,686**	**182,105,734,169**

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2011

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

SĐKKD:0200793081-CT CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI Q.HẢI AN T.P HẢI PHÒNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mai Hoa

Nguyễn Đình Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
ĐC: Số 189 đường Đình Vũ - Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng
Điện thoại: 031. 361 4018 Fax: 031. 361 4016

MẪU SỐ: B02-DN
Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán kết
thúc ngày 31/03/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Năm Trước
	(1)	(2)	(3)	(4)	
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	VI.17	30,195,960,505	124,962,713,454
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	03	VI.18	-	-
	+ Hàng bán bị trả lại			-	
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10	VI.19	30,195,960,505	124,962,713,454
4.	**Giá vốn hàng bán**	11	VI.20	17,966,207,140	77,896,336,935
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		12,229,753,365	47,066,376,519
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	VI.21	341,600,022	860,535,969
7.	**Chi phí tài chính**	22	VI.22	2,715,947,529	6,872,078,315
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*2,715,945,955*	*6,864,967,277*
8.	**Chi phí bán hàng**	24		-	-
9.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	25		5,634,488,129	25,485,425,821
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		4,220,917,729	15,569,408,352
11.	**Thu nhập khác**	31		20,342,315	2,436,498,780
12.	**Chi phí khác**	32		-	2,139,062,252
13.	**Lợi nhuận khác**	40		20,342,315	297,436,528
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		4,241,260,044	15,866,844,880
15.	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	51	VI.23	976,164,203	3,806,619,382
16.	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	52	VI.24	-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	60		3,265,095,841	12,060,225,498
17.	*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số*	*61*		*131,917,164*	*79,158,202*
17.	*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ*	*62*		*3,133,178,677*	*11,981,067,296*
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	VI.26	309	1,197

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thị Mai Hoa	Nguyễn Đình Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Địa chỉ: Số 189 Đường Đình Vũ, Quận Hải An, TP Hải Phòng
Điện thoại: 031. 361 4017 Fax: 031. 361 4016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 31/03/2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước	Kỳ này
1	2		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	180,655,845,401	81,070,816,657
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(41,755,433,762)	(31,966,663,871)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(22,623,584,086)	(6,783,897,106)
. Tiền chi trả lãi vay	04	(4,486,356,025)	(2,257,187,793)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4,378,897,678)	(1,025,765,836)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	122,790,675,300	66,452,677,735
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(119,124,286,552)	(78,691,037,986)
u chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***111,077,962,598***	***26,798,941,800***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(891,900,740)	(197,303,575)
. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	57,436,528	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(28,049,000,000)
. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3,500,000,000
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	273,735,686	3,942,924,036
u chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(560,728,526)***	***(20,803,379,539)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		34,880,837,500
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4,375,613,981	10,875,815,545
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(119,169,469,253)	(38,146,818,644)
. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(225,503,000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10,185,302,951)	(5,781,697,279)
u chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(124,979,158,223)***	***1,602,634,122***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(14,461,924,151)**	**8,597,196,383**
ền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	16,585,854,761	2,123,930,610
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		82,851,896
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**2,123,930,610**	**10,803,978,889**

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2011

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mai Hoa	Nguyễn Đình Chung

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	**3,823,893,951**	**882,829,519**
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*1,141,483,355*	*511,825,528*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*181,612,027*	*128,206,878*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*71,394,256*	*52,982,261*
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	*787,279*	*81,744,923*
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	*2,210,877,799*	*60,311,751*
Công ty TNHH MTV Vtải đa phương thức Duyên Hải HàNội	*61,951,111*	*47,758,178*
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	*44,041,726*	
Công ty TNHH Container Minh Thành	*111,746,398*	
Tiền gửi ngân hàng	**6,980,084,938**	**1,241,101,091**
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*765,404,126*	*204,923,809*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*121,815,922*	*173,689,770*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*480,199,993*	*589,315,672*
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	*740,104,744*	*231,059,882*
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	*3,875,966,469*	*26,138,284*
Công ty TNHH MTV Vtải đa phương thức Duyên Hải	*941,062,297*	*15,973,674*
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	*10,057,928*	
Công ty TNHH Container Minh Thành	45,473,459	
Cộng:	**10,803,978,889**	**2,123,930,610**

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác		
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*322,040,523*	*383,593,503*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*260,594,675*	*1,087,546,092*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*7,871,080,452*	*7,871,080,452*
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	*488,317,888*	*1,302,124,677*
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	*319,733,675*	*33,249,045*
Công ty TNHH MTV Vtải đa phương thức Duyên Hải	*208,554,713*	
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải		
Công ty TNHH Container Minh Thành	**255,420,523**	
Cộng:	**9,725,742,449**	**10,677,593,769**

03. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	**290,784,698**	
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	-	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*290,784,698*	
Công cụ, dụng cụ	**36,359,093**	**172,151,223**
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*854,546*	*854,546*

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải		*41,387,226*
Công ty TNHH MTV Vtải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội		
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*35,504,547*	*41,467,729*
Chi phí SXKD dở dang	**61,180,000**	**53,924,917**
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*61,180,000*	*50,114,150*
Hàng hoá	**9,814,589,474**	**2,621,135,609**
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*200,722,330*	*171,028,506*
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải		*1,160,420,074*
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*3,611,703,501*	*3,461,010,023*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*2,316,234,898*	*1,468,726,778*
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	1,044,386,061	
Công ty TNHH Container Minh Thành	2,641,542,684	
Cộng:	**10,202,913,265**	**2,847,211,749**

04.Thuế GTGT còn được khấu trừ	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
Thuế GTGT còn được khấu trừ	***915,679,030***	***954,963,735***
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải		*137,544,954*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*72,739,442*	*83,477,681*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	-	-
Cty TNHH Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	*6,899,476*	*4,215,357*
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	*127,246*	
Công ty TNHH Container Minh Thành	*835,912,866*	
Thuế khác	-	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	-
Cộng:	**915,679,030**	**954,963,735**

05. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
I. Nguyên giá tài sản cố định	***136,182,640,757***	***101,227,234,663***
Nhà cửa vật kiến trúc	*70,947,891,806*	*40,377,404,074*
Máy móc thiết bị	*44,006,382,981*	*15,754,475,312*
Phương tiện vận tải	*19,154,496,070*	*44,367,278,721*
Tài sản cố định khác	*2,073,869,900*	*728,076,556*
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế	***32,762,114,056***	***25,313,431,153***
Nhà cửa vật kiến trúc	*13,512,776,545*	*8,737,496,268*
Máy móc thiết bị	*12,360,480,849*	*4,868,038,863*
Phương tiện vận tải	*6,006,163,332*	*11,157,161,626*
Tài sản cố định khác	*882,693,330*	*550,734,396*
III. Giá trị còn lại	***103,420,526,701***	***75,913,803,510***

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Nhà cửa vật kiến trúc	*57,435,115,261*	*31,639,907,806*
Máy móc thiết bị	*31,645,902,132*	*10,886,436,449*
Phương tiện vận tải	*13,148,332,738*	*33,210,117,095*
Tài sản cố định khác	*1,191,176,570*	*177,342,160*

06. Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
I. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính	**5,349,655,238**	**5,349,655,238**
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	*5,349,655,238*	*5,349,655,238*
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế	**2,340,474,360**	**2,173,297,620**
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	*2,340,474,360*	*2,173,297,620*
III. Giá trị còn lại	**3,009,180,878**	**3,176,357,618**
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	*3,009,180,878*	*3,176,357,618*

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
I. Nguyên giá tài sản cố định vô hình	**12,191,164,708**	**4,025,602,015**
Quyền sử dụng đất	*10,320,596,277*	*2,167,033,584*
Tài sản cố định vô hình khác	*1,870,568,431*	*1,858,568,431*
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế	**2,411,079,080**	**1,094,926,215**
Quyền sử dụng đất	*1,422,833,424*	*297,564,127*
Tài sản cố định vô hình khác	*988,245,656*	*952,851,992*
III. Giá trị còn lại	**9,780,085,628**	**2,930,675,800**
Quyền sử dụng đất	*8,897,762,853*	*1,869,469,457*
Tài sản cố định vô hình khác	*882,322,775*	*905,716,439*

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	-	
Công ty TNHH Container Minh Thành	*6,651,152,394*	
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*1,682,772,222*	*5,603,958,978*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*83,248,087*	*83,248,087*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*11,220,856,560*	*11,220,856,560*
Cộng:	**19,638,029,263**	**16,908,063,625**

09. Chi phí trả trước dài hạn	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
- Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng chờ phân bổ		
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	*121,742,749*	*142,757,325*
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	*345,476,516*	*420,285,230*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*534,489,648*	*303,284,901*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*827,728,166*	*982,066,583*

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ		*205,148,800*
Công ty TNHH Container Minh Thành	*134,421,550*	*18,879,368*
Cộng:	**1,963,858,629**	**2,234,264,604**

10. Lợi thế thương mại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Lợi thế thương mại	*39,196,340,165*	*33,310,780,170*
Cộng:	**39,196,340,165**	**37,474,627,691**

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn		-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*6,997,720,325*	*3,685,100,295*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*12,540,888,922*	*12,031,333,280*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*7,126,342,681*	*4,708,367,398*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*4,913,689,918*	*4,913,689,918*
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	*6,479,152,488*	*3,627,487,974*
Công ty TNHH Container Minh Thành	*5,703,787,751*	*1,946,972,273*
Cộng:	**43,761,582,085**	**30,912,951,138**

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế GTGT	**1,039,562,402**	**162,802,465**
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*475,778,483*	186,566,226
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*182,875,916*	(704,194)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	126,028,185	125,514,157
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	142,181,940	379,020,110
Cty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải	18,711,375	
Công ty TNHH Container Minh Thành	93,986,503	
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải		142,596,443
- Thuế nhập khẩu	-	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	**1,715,599,676**	**2,835,713,578**
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*509,509,074*	*563,507,431*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	634,408,672	*762,480,997*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	384,167,791	*448,426,577*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*92,747,775*	*203,374,734*
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	94,766,364	*15,333,977*
Cty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải	-	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

- Thuế thu nhập cá nhân	**86,592,012**	**22,192,800**
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*1,184,728*	*2,294,728*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		*1,107,229*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*46,214,006*	*35,505,833*
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	*31,275,693*	
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	7,917,585	*8,358,089*
Cộng:	**2,823,042,715**	**3,020,708,843**

13. Chi phí phải trả	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
- Chi phí phải trả	*161,248,838*	*105,290,224*
Cộng:	**161,248,838**	**281,828,031**

14. Phải trả, phải nộp khác	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
Phải trả, phải nộp khác	**8,746,160,445**	**675,262,024**
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*299,903,493*	*299,837,580*
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	*4,168,502,109*	*554,028,491*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*30,297,018*	*59,485,750*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*35,513,199*	*1,004,709,895*
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	*391,448,626*	*1,504,185,796*
Cty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hà Nội	*16,630,000*	*16,630,000*
C Công ty TNHH Container Minh Thành	*3,803,866,000*	
Cộng:	**8,746,160,445**	**3,438,877,512**

15. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
Vay dài hạn	**17,639,400,567**	**11,476,261,344**
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	-	-
Ngân hàng đầu tư và phát triển - CN Hải Phòng	2,046,000,000	2,646,000,000
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	-	-
Ngân hàng GP.BANK	-	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Phú Thọ	249,999,998	291,666,665
Ngân hàng cổ phần Công thương Nam Việt Trì	1,260,000,000	1,330,000,000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	-
Ngân hàng công thương Ngô Quyền		340,194,110
Công ty TNHH Container Minh Thành		
Ngân hàng công thương Lê Chân	7,640,000,000	
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng	6,443,400,569	6,868,400,569
Nợ dài hạn	**1,127,515,000**	**1,353,018,000**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	-	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	-	-
CN Công ty cho thuê Tài chính 1 Hải Phòng	1,127,515,000	1,353,018,000
Cộng:	**18,766,915,567**	**12,829,279,344**

16. Vốn chủ sở hữu

a, Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu (Phụ lục 01)

b, Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	*71,579,280,000*	*71,579,280,000*
Vốn góp của CBCNV	*32,170,430,000*	*4,265,760,000*
Vốn góp của Cổ đông ngoài	*24,950,290,000*	*24,950,290,000*
Cộng:	**128,700,000,000**	**100,795,330,000**

c, Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	**Năm trước**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	*100,795,330,000*	*100,795,330,000*
+ Vốn góp tăng trong kỳ	*27,904,670,000*	
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	*128,700,000,000*	*100,795,330,000*
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	**Kỳ này**	**Năm trước**
+ Cổ đông thiểu số		*105,769,951*
+ Cổ đông của Công ty Mẹ	*5,039,766,500*	*10,079,533,000*

d, Cổ tức	**Kỳ này**	**Năm trước**
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kế toán năm:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	*Chưa công bố*	*10%*
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi luỹ kế chưa được ghi nhận	-	-

đ, Cổ phiếu	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**10,079,533**	**10,079,533**
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**12,870,000**	**9,090,000**
+ Cổ phiếu phổ thông	*12,870,000*	*10,079,533*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Đơn vị tính: Đồng

17.Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	*30,195,960,505*	*30,195,960,505*
Cộng:	**30,195,960,505**	**98,920,029,788**

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	*30,195,960,505*	*30,195,960,505*
Cộng:	**30,195,960,505**	**98,920,029,788**

20. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá và dịch vụ	17,966,207,140	17,528,842,034
Cộng:	**17,966,207,140**	**17,528,842,034**

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	*341,600,022*	*(120,159,247)*
Chênh lệch tỷ giá		*82,620,542*
Doanh thu HĐTC khác		*379,138,727*
Cộng:	**341,600,022**	**341,600,022**

22. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Năm trước
Lãi tiền vay	*2,715,945,955*	*6,864,967,277*
Chênh lệch tỷ giá	*1,574*	*7,111,038*
Cộng:	**2,715,947,529**	**6,872,078,315**

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	*976,164,203*	*976,164,203*
Cộng	**976,164,203**	**976,164,203**

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

25. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Kỳ này	Năm trước
Chi phí nguyên liệu vật liệu	*6,687,865,913*	*47,393,110,489*

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Chi phí nhân công	*4,776,837,154*	*20,393,440,695*
Chi phí khấu hao TSCĐ	*2,718,485,601*	*9,727,865,567*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	*3,654,373,532*	*43,638,977*
Chi phí khác bằng tiền	*128,644,940*	*338,281,207*
Cộng: **Cộng**	**17,966,207,140**	**77,896,336,935**

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**Kỳ này**	**Năm trước**
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3,265,095,841	12,060,225,498
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3,265,095,841	12,060,225,498
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10,561,175	10,079,533
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	309	1197

27. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp	**Kỳ Này**
a. Bố trí cơ cấu tài sản:	
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	**71%**
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	**29%**
b. Tỷ suất sinh lợi:	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	***11%***
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	***2%***
c. Tình hình tài chính:	
- Tỷ lệ nợ phải trả /Tổng tài sản	***35%***
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	***4%***
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu)	***88%***

VII. Thông tin khác

28. Thông tin về các bên liên quan

Đơn vị tính: đồng

Giao dịch phát sinh Công ty mẹ với Công ty con	**Quan hệ với Công ty**	**Kỳ này**
- Giá vốn dịch vụ		**5,034,661,441**
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*Công ty con*	*1,573,669,051*
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	*Công ty con*	*387,057,959*
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	*Công ty con*	*592,742,396*
Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	*Công ty con*	
Công ty TNHH Container MinhThành	*Công ty con*	*2,481,192,035*
- Doanh thu dịch vụ		**2,857,146,027**
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*Công ty con*	*218,181,819*
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	*Công ty con*	
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	*Công ty con*	*1,277,355,513*

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	*Công ty con*	*1,361,608,695*
Công ty TNHH Container MinhThành	*Công ty con*	

- Các khoản phải thu khác		**Tại ngày 31/03/2011**
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	*Công ty con*	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*Công ty con*	*8,500,000,000*
Công ty TNHH Container MinhThành	*Công ty con*	*2,995,948,000*
Công ty TNHH MTV vận tải đa PT Duyên Hải Hà Nội	*Công ty con*	*400,000,000*

- Phải trả người bán		**Tại ngày 31/03/2011**
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	*Công ty con*	*777,680,636*
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	*Công ty con*	*83,139,220*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*Công ty con*	*1,057,662,584*

- Các khoản phải trả khác		**Tại ngày 31/03/2011**
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	*Công ty con*	*53,309,300*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*Công ty con*	*1,562,209,557*
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*Công ty con*	

29. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

30. Thông tin về thuế

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ nên việc xác định sau cùng là tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2011

Kế toán trưởng	**Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**
NGUYỄN THỊ MAI HOA	**NGUYỄN ĐÌNH CHUNG**

SĐKKD: 0200793081 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI * Q. HẢI AN T. P HẢI PHÒNG